TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 1163/2023/DS-PT Ngày: 11- 12 - 2023 V/v: "Tranh chấp hợp vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu**

***Các Thẩm phán*: Bà Lê Thị Ngọc Hương**

Bà Phạm Thị Kim.

Thư ký phiên tòa: **Bà Đỗ Thanh Thảo Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: **Ông Lê Huỳnh Thiện** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 11 và ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2023/TLPT-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 250/2023/DS-ST ngày 04-7-2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4808/2023/QĐ-PT ngày 17/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 14906/2023/QĐ-PT ngày 08/11/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 15861/2023/QĐ-PT ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương Q, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: 1 Đường số D, KP C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Khoa N - Công ty TNHH Một Thành viên A - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T3.

Trụ sở: 1 Ú, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1980 (Có mặt).

Ủy quyền:

1.Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1989 (Có mặt);

2.Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1999 (Có mặt);

3.Ông Mai Văn N1, sinh năm 2000 - Đại diện (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ liên lạc: 1 Ú, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 1 Đường số D, KP C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần T3 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, sự việc được tóm tắt như sau:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/8/2022 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Q và quá trình giải quyết vụ án bà Q ủy quyền ông Nguyễn Trường T trình bày: Trước đây, bà Nguyễn Phương Q làm trợ lý Giám đốc tại Công ty T3 (sau đây gọi là tắt Công ty), năm 2019, nguyên đơn ký hợp đồng vay 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 và 01 hợp đồng vay thẻ tín dụng. Số tiền vay được từ 02 hợp đồng này, nguyên đơn cho bị đơn vay, hàng tháng bị đơn đưa tiền cho nguyên đơn để thanh toán cho Ngân hàng. Ngày 20/3/2021, nguyên đơn và bị đơn lập Biên bản xác nhận số: 01.2021/AD/BBXN, theo đó bị đơn xác nhận, tính đến ngày 22/03/2021 còn nợ nguyên đơn các khoản vay, như sau: Đối với khoản vay 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), tính đến ngày 22/3/2021, còn nợ là 121.491.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăn chín mươi mốt đồng), số tiền gốc và lãi tạm tính hàng tháng là 6.500.000 đồng. Đối với khoản vay thẻ tín dụng, tính đến ngày 22/3/2021 là 274.767.548 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng), số tiền gốc và lãi tạm tính hàng tháng là 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Theo Biên bản xác nhận nợ ngày 20/3/2021 là 396.258.548 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng).

Ngày 21/3/2021, nguyên đơn cho bị đơn vay 1.175.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), theo Hợp đồng vay tiền số 01.2021/AD/HĐTD, hai bên thỏa thuận lãi suất: 1%/tháng, thời hạn vay đến hết ngày 30/6/2021. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 11/6/2021, bị đơn trả nợ gốc cho nguyên đơn 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), nên nợ gốc còn lại là 775.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 775.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và lãi 1%/tháng, tạm tính từ ngày 01/7/2021 đến nay là 314.700.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu bảy trăm

ngàn đồng), tổng cộng là 1.089.700.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

*Bị đơn Công ty Cổ phần T3 ủy quyền ông Nguyễn Tấn L trình bày:*Theo nguyên đơn khai hợp đồng vay tiền số: 01.2021/AD/HĐTD ngày 21/3/2021 thì nguyên đơn cho bị đơn vay 1.175.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), ngoài hợp đồng vay tiền nêu trên thì nguyên đơn chuyển cho bị đơn vay theo hình thức nào. Nếu bằng tiền mặt thì yêu cầu nguyên đơn xuất trình những giấy tờ hoặc Biên bản nhận tiền mà nguyên đơn cho rằng bị đơn vay từ ngày 26/9/2019 đến ngày 18/6/2020. Nếu, nguyên đơn xác nhận là việc bàn giao tiền qua chuyển khoản thì yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng từ liên quan đến giao dịch. Trong thời gian này, nguyên đơn là Cổ đông của bị đơn nên yêu cầu nguyên đơn xác định đây là số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay hay nguyên đơn góp vốn. Đây là căn cứ cũng như yêu cầu mà bị đơn đưa ra đề nghị nguyên đơn làm sáng tỏ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông là chồng của nguyên đơn, số tiền nguyên đơn cho bị đơn mượn trong suốt quá trình hai bên làm việc với nhau là tài sản chung của ông và nguyên đơn. Ông Nguyễn Thái B là đại diện của bị đơn lợi dụng sự tin tưởng của ông và nguyên đơn để vay tiền, không chịu trả. Nay, ông yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay và phần lãi phát sinh chậm trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn, bị đơn đã rõ thể hiện qua Biên bản xác nhận nợ số: 01.2021/AD/BBXN ngày 20/3/2021 và Hợp đồng vay tiền số 01.2021/AD/HĐTD ngày 21/3/2021. Còn việc giao tiền giữa hai bên như thế nào thể hiện qua Biên bản xác nhận về việc xác nhận các khoản chi tiền mặt số: 02.2021/AD/BBXN ngày 31/3/2021 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Q trình bày: Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền trước đó, nên ngày 20 và 21/3/2021 sau một ngày làm việc hai bên thống nhất và ký vào Biên bản xác nhận nợ số: 01.2021/AD/BBXN và Hợp đồng vay tiền số 01.2021/AD/HĐTD. Nguyên đơn là người ký vào Biên bản trước, sau đó ông B ký, đi đóng mộc và đưa lại Biên bản cho nguyên đơn. Nguyên đơn còn sợ sau này, bị đơn nói không phải chữ ký của ông B nên yêu cầu ông B ký và ghi rõ họ tên vào Biên bản. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn 1.303.008.547 đồng, trong đó: Nợ gốc là 396.258.548 đồng (theo Biên bản xác nhận nợ số: 01.2021/AD/BBXN ngày 20/3/2021); Nợ gốc là 775.000.000 đồng (theo Hợp đồng vay tiền số 01.2021/AD/HĐTD ngày 21/3/2021) và 131.750.000 đồng, lãi 1%/tháng từ ngày 01/7/2021 đến nay. Nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với khoản nợ gốc là 396.258.548 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần T3 ủy quyền ông L và ông C trình bày: Hợp đồng vay tiền giữa hai bên là không có thật nếu có thì nguyên đơn phải chứng minh và cung cấp chứng cứ về việc giao tiền cho bị đơn. Biên bản xác nhận nợ số: 01.2021/AD/BBXN ngày 20/3/2021 và Hợp đồng vay tiền số 01.2021/AD/HĐTD ngày 21/3/2021 chữ ký không phải của ông B. Con dấu của Công ty, do Bị đơn điều hành, ông thì thường đi công trình nên nguyên đơn đã tự ý đóng dấu vào. Khi nguyên đơn nghỉ việc không bàn giao cho bị đơn Hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng. Do vậy, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 250/2023/DS - ST ngày 04 -7-2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Phương Q.

a/Buộc Công ty Cổ phần T3 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Phương Q 1.303.008.548 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ ba triệu không trăm tám ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 1.171.258.548 đồng và 131.750.000 đồng nợ lãi theo Biên bản xác nhận số: 01.2021/AD/BBXN ngày 20/3/2021 và Hợp đồng vay tiền số: 01.2021/AD/HĐTD ngày 21/3/2021 hai bên đã ký.

b/Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn phải trả lãi 10%/năm cho khoản nợ gốc 396.258.548 đồng.

2/Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về Thi hành án.

Ngày 19/7/2023, Công ty Cổ phần T3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp vụ án.

Bị đơn Công ty Cổ phần T3 (có ông Nguyễn Thái B - Đại diện theo pháp luật) (gọi tắt là Công ty) vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét những vấn đề sau:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ nguyên đơn giao tiền mặt và chuyển khoản cho bị đơn vay tiền mà lại tuyên bị đơn trả cho nguyên

đơn 1.303.008.548 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ ba triệu không trăm lẻ tám ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng) là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Phương Q là Cổ đông của Công ty giữ chức vụ là Kế toán trưởng, kiêm hành chính nhân sự và là Giám đốc điều hành điều hành Công ty, thay mặt Công ty ký hợp đồng với khách hàng. Trong thời gian làm việc tại Công ty, bà Q giữ con dấu của Công ty nên nhiều lần bà Q yêu cầu ông ký khống trên một số tờ giấy trắng sẵn, để bà Q có thể làm việc thuận lợi nếu ông không có mặt tại Công ty. Do tin tưởng bà Q nên nhiều lần ông ký khống trên nhiều tờ giấy trắng, sau đó bà Q đánh máy nội dung vào những tờ giấy trắng này và tự đóng dấu Công ty vào.

Việc nguyên đơn khai cho bị đơn vay 03 khoản tiền, tổng cộng là 1.171.258.548 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi tám ngàn năm trăm bốn mười tám đồng) theo Biên bản xác nhận số: 01.2021/AD/BBXN ngày 20/3/2021, Hợp đồng vay tiền số: 01.2021/AD/HĐTD ngày 21/3/2021 và Biên bản xác nhận khoản chi tiền mặt, số: 02.2021/AD/BBXN ngày 31/03/2021 là không đúng. Bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn, 03 Biên bản này, là do bị đơn ký khống, sau đó nguyên đơn tự đánh máy nội dung và lấy con dấu của Công ty đóng vào 03 biên bản này. Do vậy, bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 1.303.008.548 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ ba triệu không trăm lẻ tám ngàn năm trăm bốn mười tám đồng).

Ông Nguyễn Tấn L và ông Đỗ Văn C đại diện theo ủy quyền của Công ty có cùng lời trình bày của ông B.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Q trình bày: Bà làm việc tại Công ty từ năm 2007, bà giữ chức vụ Kế toán trưởng, Kiêm hành chính nhân sự và làm Giám đốc điều hành của Công ty. Bà thừa nhận, trong thời gian làm việc tại Công ty, để thuận tiện trong công việc nên bà có yêu cầu ông B ký khống trên nhiều tờ giấy trắng, sau đó, đưa lại cho bà để bà đánh máy nội dung vào những tờ giấy này, in ra và đưa cho bộ phận đóng dấu, sau khi đóng dấu đưa lại cho bà giữ. Tuy nhiên, Biên bản xác nhận số: 01.2021/AD/BBXN, Hợp đồng vay tiền số: 01.2021/AD/HĐTD và Biên bản xác nhận khoản chi tiền mặt, số: 02.2021/AD/BBXN giữa nguyên đơn và bị đơn thì ông B không có ký khống vào 03 Biên bản này. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Mai Văn M đại diện theo ủy quyền Công ty Cổ phần T3 vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn, bị đơn đã rõ thể hiện qua Biên bản xác nhận nợ số: 01.2021/AD/BBXN và Hợp đồng vay tiền số 01.2021/AD/HĐTD. Còn việc giao

tiền giữa hai bên như thế nào thể hiện qua Biên bản xác nhận về việc xác nhận các khoản chi tiền mặt số: 02.2021/AD/BBXN ngày 31/3/2021. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của phát luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, ông Mai Văn M đại diện theo ủy quyền Công Cổ phần Tư vấn, Thiết bị và Công nghệ T3 vắng mặt. Ông Nguyễn Văn V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty có ông Nguyễn Thái B đại diện theo pháp luật cho rằng, Biên bản xác nhận số: 01.2021/AD/BBXN ngày 20/3/2021, Hợp đồng vay tiền số: 01.2021/AD/HĐTD ngày 21/3/2021 và Biên bản xác nhận khoản chi tiền mặt, số: 02.2021/AD/BBXN ngày 31/03/2021 là do nguyên đơn đưa cho bị đơn ký khống trên một số tờ giấy trắng, sau đó nguyên đơn đánh máy nội dung ghi bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 1.171.258.448 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi tám đồng) và nguyên đơn tự đóng dấu Công ty vào 03 Biên bản này, thực chất, bị đơn không có vay số tiền trên của nguyên đơn. Phía nguyên đơn bà Q thừa nhận, trong thời gian làm việc tại Công ty, để thuận tiện trong công việc nên bà có yêu cầu ông B ký khống trên nhiều tờ giấy trắng, sau đó, đưa lại cho bà để bà đánh máy nội dung vào những tờ giấy này và bà có thể tự mình đóng dấu của Công ty vào các hợp đồng. Tuy nhiên, Biên bản xác nhận số: 01.2021/AD/BBXN và Hợp đồng vay tiền số: 01.2021/AD/HĐTD do bà lập và đưa ông B xem rồi ký, chứ ông B không có ký khống vào 02 Biên bản này.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện, tại Biên bản xác nhận số: 01.2021/AD/BBXN ngày 20/3/2021 giữa nguyên đơn và bị đơn, có nội dung: "Bên A là bà Nguyễn Thị Phương Q và bên B là Công ty Cổ phần Tư vấn, Thiết bị và Công nghệ T3. Hai bên lập Biên bản này, để xác nhận việc bên A đang có 02 khoản vay tín chấp và thẻ Visa Ngân hàng M1, với mục đích dùng số tiền vay đó sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty T3, cụ thể: Khoản vay ban đầu là 190.000.000 đồng. Vay thẻ tín dụng là 274.767.548 đồng…"; Hợp đồng vay tiền số: 01.2021/AD/HĐTD ngày 21/3/2021, có nội dung: " Bên A: Bên cho vay:Bà Nguyễn Thị Phương Q và bên B: Bên vay: Công ty Cổ phần T3. Hợp đồng này hai bên thống nhất và ký kết để xác nhận về việc bên B hiện tại đang vay Bên A 1 khoản tiền để phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty T3, tổng cộng là 1.175.000.000 đồng…"; Và Biên bản xác nhận chi tiền mặt số: 02.2021/AD/BBXN, ngày 31/3/2019, về việc: Xác nhận các khoản chi tiền mặt, có nội dung: "Bên A là Công ty T3 và bên B là bà Q. Bên A xác nhận trong quá trình bên B làm việc tại bên A (từ năm 2017 đến hiện tại), các khoản thu vào tại tài khoản cá nhân của bên B, như các khoản chuyển cá nhân tài khoản của ông B và chuyển vào tài khoản của Công ty T3 đều sử dụng cho hoạt động của Công ty…".

[4] Theo nguyên đơn khai số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), chuyển cho bị đơn vào ngày 14/4/2019 là 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng), thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1, số tiền còn lại 82.000.000 đồng (tám mươi hai triệu đồng) thì giao tiền mặt cho bị đơn; Đối với khoản tiền vay thẻ tín dụng số tiền 274.767.548 đồng (Hai trăm bảy mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng), nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (không nhớ thời gian chuyển); Đối với khoản vay, tổng cộng 1.175.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 26/9/2019 chuyển khoản 150.000.000 đồng; ngày 27/9/2019 chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 (là chị của ông B) 80.000.000 đồng, để bà T1 đưa lại cho ông B; Ngày 01/10/2019 chuyển khoản 270.000.000 đồng; Ngày 07/5/2020 chuyển khoản 250.000.000 đồng; Ngày 07/5/2020 đưa tiền mặt cho ông B 35.000.000 đồng; Ngày 15/5/2020 chuyển khoản 100.000.000 đồng; Ngày 05/6/2020 đưa tiền mặt cho ông B 40.000.000 đồng và ngày 18/6/2020 chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của ông B 150.000.000 đồng. Các khoản tiền vay trên đều chuyển khoản thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1. Đến năm 2021 giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập số nợ trên theo Biên bản xác nhận số: 01.2021/AD/BBXN, Hợp đồng vay tiền số: 01.2021/AD/HĐTD và Biên bản xác nhận khoản chi tiền mặt số: 02.2021/AD/BBXN.

Phía bị đơn phủ nhận, việc bị đơn không có nhận số tiền 190.000.000 đồng và số tiền 274.767.548 đồng từ nguyên đơn. Đối với khoản tiền 1.175.000.000 đồng thì bị đơn chỉ nhận 150.000.000 đồng chuyển ngày 26/9/2019; Ngày 07/5/2020 chuyển 100.000.000 đồng, không phải chuyển 250.000.000 đồng như

nguyên đơn khai; Ngày 01/10/2019 chuyển 270.000.000 đồng; Ngày 05/6/2020 chuyển 40.000.000 đồng và ngày 18/6/2020 chuyển 150.000.000 đồng; Tuy nhiên, toàn bộ số tiền trên là do nguyên đơn thu được từ khách hàng, sau đó nộp về cho Công ty; Và các khoản thu khác của Công ty, chứ không phải là số tiền vay như nguyên đơn khai. Còn đối với khoản tiền 80.000.000 đồng chuyển ngày 27/9/2019, khoản 100.000.000 đồng chuyển ngày 15/5/2020 và khoản tiền 35.000.000 đồng, bị đơn không có nhận.

[5] Từ phân tích tại mục [3], [4], xét thấy, các bên có khai nhận không thống nhất, lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm cần thu thập chứng cứ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1, có việc ngày 14/4/2019 nguyên đơn chuyển khoản vào tài khoản của bị đơn số tiền 108.000.000 đồng; Và số tiền 274.767.548 đồng để cho bị đơn vay hay không; và thu thập chứng cứ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1, có việc ngày 26/9/2019 chuyển khoản 150.000.000 đồng; Ngày 27/9/2019 chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 (là chị của ông B) 80.000.000 đồng, để bà T1 đưa lại cho ông B; Ngày 01/10/2019 chuyển khoản 270.000.000 đồng; Ngày 07/5/2020 chuyển khoản 250.000.000 đồng; Ngày 15/5/2020 chuyển khoản 100.000.000 đồng và ngày 18/6/2020 chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của ông B 150.000.000 đồng để cho bị đơn vay hay không nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Biên bản xác nhận số: 01.2021/AD/BBXN, Hợp đồng vay tiền số: 01.2021/AD/HĐTD và Biên bản xác nhận khoản chi tiền mặt, số: 02.2021/AD/BBXN, từ đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn nợ gốc và lãi là 1.303.008.548 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ ba triệu không trăm lẻ tám ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng) là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị Hồng T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ bà T1 có nhận số tiền 80.000.000 đồng từ nguyên đơn chuyển cho bà T1 hay không. Nếu có, làm rõ bà T1 quan hệ như thế nào với ông B, bà T1 có đưa lại số tiền này cho cho bị đơn hay không là vi phạm thủ tục tố tụng.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đưa thiếu người tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty T3, hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 250/2023/DS - ST ngày 04-7-2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đơn là không có cơ sở như đã như định trên nên không được chấp nhận.

Do hủy bản án sơ thẩm bị hủy với lý do nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nội dung của bản án sơ thẩm

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án dân sự sơ thẩm nên Công ty T3 không phải chịu, được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - Công ty Cổ phần T3.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 250/2023/DS-ST ngày 04-7-2023 của Tòa án nhân dân nhân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần T3 không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T3 được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0023361 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu